

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LX
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2019/HNGĐ – ST
Ngày 25 – 10 – 2019
V/v “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Phạm Xuân Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Nguyên;
2. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LX.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2019/TLST – HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 188/2019/QĐST – HNGĐ ngày 01/10/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị D, sinh năm 1975. Địa chỉ: Tổ X, ấp M, xã M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cùng ngày 01/10/2019 và tại biên bản hòa giải, ông Nguyễn Văn Đ là nguyên đơn trong vụ án trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Phạm Thị D tự quen biết và tiến đến hôn nhân. Ông, bà có tổ chức lễ cưới năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hôn nhân lần thứ nhất của hai vợ chồng ông. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông sống tại ấp A, xã Hò, C. Ông, bà chung sống hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do đôi bên không còn tình cảm dành cho nhau và tự ly thân từ năm 2008 đến nay. Do cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Ông và bà D có 01 con chung tên Đặng Chí L, sinh ngày 03/10/1997 đã trưởng thành, là tài xế lái xe, có khả năng lao động để tự nuôi sống bản thân. Tại trích lục khai sinh đánh máy không đúng tên của mẹ là Phạm Thị D nên ông không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Do vợ chồng không có tài sản chung cũng như nợ chung nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Vắng mặt ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ và bà D là có căn cứ.

Về nội dung: Do ông Đ và bà D chung sống như vợ chồng từ năm 1996 đến nay chưa tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo pháp luật là đã vi phạm Luật hôn nhân và gia đình về đăng ký kết hôn và nay ông Đ có yêu cầu ly hôn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Đ, tuyên bố không công nhận nguyên đơn và bị đơn là vợ chồng. Do bà D không có ý kiến về con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án Đ thẩm tra tại Phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh tình trạng cư trú của bị đơn và được Công an xã Mỹ Hòa Hưng xác định bà Phạm Thị D, sinh năm 1975 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ x, ấp M, xã M, thành phố LX, tỉnh An Giang và hiện nay bà D sinh sống bằng nghề phụ hồ tại địa phương. Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bà D. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà D vẫn không có mặt. Ông Đ có đơn đề ngày 06/8/2019 về việc xin vắng mặt tại phiên tòa, lý do ông phải đi làm thuê ở tỉnh Sóc Trăng. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị D là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý giải quyết.

Về nội dung:

[3] Bà D đã Đ Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhiều lần, có bà Nguyễn Thị S là mẹ ruột cùng nơi cư trú nhận thay và cam kết giao lại cho bà D. Tuy nhiên, bà D vẫn không có văn bản trình bày ý kiến qua yêu cầu khởi kiện của ông Đ, không đến tham gia phiên tòa. Như vậy, bà đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng của bị đơn được quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết.

[4] Ông Đ cho rằng, ông và bà D tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1997 đến năm 2008 thì ly thân và chưa tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Như vậy, của ông bà đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử không xem xét về mâu thuẫn trong

hôn nhân của các đương sự và áp dụng khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, tuyên bố ông Đ và bà D không phải là vợ chồng.

[5] Về con chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] **Về án phí**: Ông Đ phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do ông Đ đã nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003159 ngày 06/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, ông Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 9 và Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố ông Nguyễn Văn Đ và bà Phạm Thị D không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Ông Đ phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình. Do ông Đ đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003159 ngày 06/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố LX, ông Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự Đ quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận Đ bản án hoặc bản án Đ niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án Đ thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND TPLX;
- THADS TPLX;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Phạm Xuân Khanh